

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI

Số: 1803/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 5 năm 2017

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền  
giải quyết của ngành xây dựng tỉnh Đồng Nai

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định 832/QĐ-BXD; Quyết định 833/QĐ-BXD; Quyết định 834/QĐ-BXD; Quyết định 835/QĐ-BXD; Quyết định 836/QĐ-BXD; Quyết định 837/QĐ-BXD; Quyết định 838/QĐ-BXD ngày 28 tháng 8 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về ban hành quy chế phối hợp công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 117/TTr-SXD ngày 24 tháng 5 năm 2017,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở xây dựng, UBND cấp huyện tỉnh Đồng Nai (nội dung & danh mục đính kèm).

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ký; thay thế Quyết định số 1917/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

**Điều 3.** Sở Tư pháp, Sở Xây dựng, UBND cấp huyện, Trung tâm hành chính công tỉnh có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai Bộ thủ tục hành chính này tại trụ sở làm việc và tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của đơn vị.

Sở Tư pháp có trách nhiệm in ấn, photo đóng thành quyển Bộ thủ tục hành chính đã được công bố, phát hành đến các đơn vị theo thành phần nơi nhận của quyết định này; cập nhật nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia của Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

**Điều 4.** Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp Sở Tư pháp, Sở Xây dựng cập nhật quy trình giải quyết thủ tục hành chính đã được công bố lên Phần mềm một cửa điện tử (Egov) của tỉnh.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa; Trung tâm hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tư pháp;
- Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông;
- Báo Đồng Nai; Báo Lao động Đồng Nai, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Trung tâm hành chính công tỉnh Đồng Nai;
- Trung tâm Công báo tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: VT, HCTC.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NGÀNH XÂY DỰNG  
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND TỈNH,  
SỞ XÂY DỰNG VÀ UBND CẤP HUYỆN TỈNH ĐỒNG NAI**



(Ban hành kèm theo Quyết định số 1803/QĐ-UBND ngày 30/5/2017  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

**Phần 1  
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

Stt	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định áp dụng	Thời gian thực hiện	Trang
<b>A.</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b>			<b>14</b>
<b>I.</b>	<b>LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG</b>			<b>14</b>
1.	Cấp/cấp lại /điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III đối với: tổ chức khảo sát xây dựng; tổ chức lập quy hoạch xây dựng; tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; tổ chức lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng; tổ chức thi công xây dựng công trình; tổ chức giám sát thi công xây dựng; tổ chức kiểm định xây dựng; tổ chức quản lý, thẩm tra chi phí đầu tư XD.	- Luật Xây dựng năm 2014;  - Nghị định số 59/2015/ND-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ;  - Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.  - Thông tư số 24/2016/TT-BXD ngày 01/9/2016 của Bộ Xây dựng.  - Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng.	20 ngày làm việc	14
2.	Đăng tải/thay đổi, bổ sung thông tin năng lực của tổ chức (chỉ áp dụng cho tổ chức không thuộc đối tượng cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng)	Luật Xây dựng năm 2014; Nghị định số 59/2015/ND-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ; Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng; Thông tư số 24/2016/TT-BXD ngày 01/9/2016 của Bộ Xây dựng; Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng.	15 ngày làm việc	24
3.	Cấp/ cấp lại (trường hợp CCHN hết hạn sử dụng)/cấp chuyển đổi/điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II.	- Luật Xây dựng năm 2014;  - Nghị định số 59/2015/ND-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ;	14 ngày làm việc	27

	hạng III đối với cá nhân hoạt động xây dựng trong các lĩnh vực: Khảo sát xây dựng; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế xây dựng công trình; Giám sát thi công xây dựng; Kiểm định xây dựng; Định giá xây dựng	- Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng; Thông tư số 24/2016/TT-BXD ngày 01/9/2016 của Bộ Xây dựng.  - Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng.		
4.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III ( <i>Trường hợp CCHN rách nát/thất lạc</i> ) đối với cá nhân hoạt động xây dựng trong các lĩnh vực: Khảo sát xây dựng; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế xây dựng công trình; Giám sát thi công xây dựng; Kiểm định xây dựng; Định giá xây dựng	- Luật Xây dựng năm 2014;  - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;  - Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.  - Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng.	14 ngày làm việc <b>(theo quy định 15 ngày)</b>	37
5.	Cấp giấy phép xây dựng (giấy phép xây dựng mới, giấy phép sửa chữa, cải tạo, giấy phép di dời công trình) đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	- Luật Xây dựng năm 2014;  - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ;  - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.  - Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.  - Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng.	20 ngày làm việc đối với công trình <b>(Luật Xây dựng quy định 30 ngày)</b> ; 15 ngày làm việc đối với nhà ở riêng lẻ	41
6.	Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính	Luật Xây dựng năm 2014; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây; Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây	- Điều chỉnh: 20 ngày làm việc <b>(theo Quy định 30 ngày)</b> ;  - Gia hạn.	76

	trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	dụng; Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND tỉnh	cấp lại: 05 ngày làm việc	
7.	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là Nhà thầu): Thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C	- Luật Xây dựng năm 2014; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ; Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng; Thông tư 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng; Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng.	20 ngày làm việc	84
8.	Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là Nhà thầu): Thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C	- Luật Xây dựng năm 2014; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ; Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng; Thông tư 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng; Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng.	20 ngày làm việc	92
9.	Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh (quy định tại Điểm b Khoản 2, Điểm b Khoản 3, Khoản 4, Điểm b Khoản 5 Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP)	- Luật Xây dựng năm 2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ XD. - Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng. - Quyết định số 60/2016/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai.	- Dự án/ dự án điều chỉnh: + Nhóm B: 25 ngày làm việc; (Quy định 30 ngày) + Nhóm C: 20 ngày làm việc. - Thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh:  + Nhóm B: 20 ngày làm việc;	95

			1 Nhóm C: 15 ngày làm việc.	
10.	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 01 bước- quy định tại Điều 5, Điều 10, Điều 13 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Điều 11 và Điều 12 Thông tư số 18/2016/TT-BXD)	- Luật Xây dựng năm 2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng BXD. - Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng - Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng; - Quyết định số 60/2016/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai.	18 ngày làm việc (Theo quy định 20 ngày)	100
11.	Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh (quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 24, điểm b Khoản 1 Điều 25, điểm b Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP)	- Luật Xây dựng năm 2014; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ; Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ XD; Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng; Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng; Quyết định số 60/2016/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai;	-25 ngày làm việc: Đối với công trình cấp II và cấp III (Theo quy định 30 ngày). -18 ngày làm việc: Đối với các công trình còn lại (Theo quy định 20 ngày).	105
<b>II. LĨNH VỰC NHÀ Ở</b>				<b>115</b>
12.	Chấp thuận chủ trương dự án đầu tư xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của	- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 19/2016/TT-BXD	30 ngày làm việc (Theo quy định 32	115

	Luật Nhà ở năm 2014 (trường hợp không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công)	ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng. - Quyết định số 837/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng.	ngày).	
13.	Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh quy định tại Khoản 5 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.  - Quyết định số 837/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng.	30 ngày làm việc (Theo quy định 32 ngày).	124
14.	Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền UBND cấp tỉnh quy định tại Khoản 6 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.  - Quyết định số 837/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng.	30 ngày làm việc (Theo quy định 32 ngày).	131
15.	Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua	- Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014;  - Quyết định số 837/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng.	15 ngày làm việc	138
16.	Cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước	- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ ngày 20/10/2015;  - Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.  - Quyết định số 837/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng.	30 ngày làm việc	140
17.	Cho thuê nhà ở cũ thuộc sở	- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ;	30 ngày	144

	hữu nhà nước	Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng; Quyết định số 837/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng.	làm việc	
18.	Bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước	Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ; Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016; ; Quyết định số 837/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng; Quyết định số 67/2016/QĐ-UBND ngày 17/11/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai	45 ngày làm việc	149
<b>III. LĨNH VỰC QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC</b>				<b>155</b>
19.	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	Luật Quy hoạch đô thị; Luật Xây dựng; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015; Quyết định số 835/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng; Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 15/3/2017 của UBND tỉnh.	- Xây dựng đô thị: 30 ngày làm việc <i>(theo quy định 35 ngày)</i> . - Xây dựng khu chức năng đặc thù: 25 ngày làm việc.	155
20.	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	- Khoản 2 Điều 41 Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009. - Khoản 1 Điều 31, Điều 32, 33 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ; - Quyết định số 835/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng.	35 ngày làm việc <i>(theo quy định 40 ngày)</i> .	159
21.	Cấp giấy phép quy hoạch dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh quản lý	- Khoản 4 Điều 47 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Điều 33, 34, 35 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ; Khoản 5 Điều 71 Luật Quy	40 ngày làm việc <i>(Theo quy định 45 ngày)</i>	164



		<p>hoạch đô thị số 30/2009/Q1112 ngày 17/6/2009;</p> <p>- Điều 36, 37, 38, 40 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ;</p> <p>- Quyết định số 835/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng.</p>		
<b>IV. LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP XÂY DỰNG</b>				<b>169</b>
22.	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân khác không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng	Luật Giám định tư pháp năm 2012; Điều 8 Thông tư số 04/2014/TT-BXD; Điều 2 Nghị định số 62/2016/NĐ-CP (quy định này thay thế Điều 5 Thông tư số 04/2014/TT-BXD đã bị bãi bỏ bởi Thông tư số 23/2016/TT-BXD); Quyết định số 833/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng.	20 ngày làm việc	169
23.	Đăng ký công bố thông tin người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc đối với các cá nhân, tổ chức không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng, văn phòng giám định tư pháp xây dựng trên địa bàn được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép hoạt động	- Luật Giám định tư pháp năm 2012; Điều 2, Điều 3, Điều 4 Nghị định số 62/2016/NĐ-CP (quy định này thay thế Điều 5, Điều 6, Điều 7 Thông tư số 04/2014/TT-BXD đã bị bãi bỏ bởi Thông tư số 23/2016/TT-BXD); Điều 9 Thông tư số 04/2014/TT-BXD; Quyết định số 833/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng.	30 ngày làm việc	174
24.	Điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức giám định tư pháp xây dựng đối với cá nhân, tổ chức do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã tiếp nhận đăng ký, công bố thông tin	Luật Giám định tư pháp năm 2012; Điều 9 Thông tư số 04/2014/TT-BXD; Điều 2, Điều 3, Điều 4 Nghị định số 62/2016/NĐ-CP (quy định này thay thế Điều 5, Điều 6, Điều 7 Thông tư số 04/2014/TT-BXD đã bị bãi bỏ bởi Thông tư số 23/2016/TT-BXD); Quyết định số 833/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng.	10 ngày làm việc	182
<b>V. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG</b>				<b>184</b>

25.	Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng. Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;</li> <li>- Quyết định số 833/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng.</li> <li>- Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng.</li> <li>- Quyết định số 833/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 10 ngày làm việc đối với công trình cấp III và cấp IV.</li> <li>- 15 ngày làm việc đối với công trình cấp II.</li> </ul>	184
<b>VI. LĨNH VỰC KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN</b>				<b>191</b>
26.	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản đối với dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định việc đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH 13 ngày 25/11/2014;</li> <li>- Điều 13 Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Quyết định số 832/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng.</li> </ul>	45 ngày làm việc	191
27.	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản đối với dự án do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quyết định việc đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH 13 ngày 25/11/2014;</li> <li>- Điều 12 Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Quyết định số 832/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng.</li> </ul>	30 ngày làm việc	204
28.	Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH 13 ngày 25/11/2014.</li> <li>- Thông tư số 11/2015/TT-BXD</li> </ul>	10 ngày làm việc	217

		ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng. - Quyết định số 832/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng.		
29.	Cấp lại (cấp đổi) chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản: Do bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng; Do hết hạn (hoặc gần hết hạn)	- Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH 13 ngày 25/11/2014. - Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng. - Quyết định số 832/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng.	10 ngày làm việc	223
<b>VII. LĨNH VỰC KHIẾU NẠI, TỐ CÁO</b>				<b>230</b>
30.	Tiếp nhận, thụ lý và giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo	- Luật Khiếu nại; Luật Tố cáo số: - Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012; Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ; - Thông tư số 06/2013/TT-TTCP ngày 30/9/2013; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013; Thông tư số 07/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ.	- Khiếu nại: 30 ngày làm việc (Phức tạp 45 ngày) hoặc 45 ngày làm việc (Phức tạp 60) đối với vùng sâu, vùng xa; - Tố cáo 60 ngày làm việc (Phức tạp 90 ngày)	230
<b>B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN</b>				<b>235</b>
<b>I. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG</b>				<b>235</b>
1.	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh	- Luật Xây dựng năm 2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;	18 ngày làm việc (Theo quy định 20 ngày)	235

	(trường hợp thiết kế 1 bước) (quy định tại Điều 5, Điều 10, Điều 13 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Điều 11 và Điều 12 Thông tư số 18/2016/TT-BXD)- Đối với công trình cấp III trở xuống, do chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư) (theo phân cấp, ủy quyền của UBND tỉnh tại Quyết định 60/2016/QĐ-UBND ngày 28/10/2016)	- Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ XD.  - Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng.		
2.	Cấp GPXD (GPXD mới, giấy phép sửa chữa, cải tạo, giấy phép di dời công trình) đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh	- Luật Xây dựng năm 2014;  - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ;  - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.  - Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng.	20 ngày làm việc đối với công trình; 15 ngày làm việc đối với nhà ở riêng lẻ (theo Quy định 30 ngày)	240
3.	Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh	- Luật Xây dựng năm 2014;  - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính;  - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây.  - Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng.	- Điều chỉnh: 20 ngày làm việc (theo Quy định 30 ngày);  - Gia hạn, cấp lại: 05 ngày làm việc	275
<b>II. LĨNH VỰC QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC</b>				<b>283</b>
4.	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	- Luật Quy hoạch đô thị; Luật Xây dựng; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015; Quyết định số 835/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng; Quyết định số	Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị: 30 ngày làm việc (theo Quy định 35	283

		11/2017/QĐ-UBND ngày 15/3/2017 của UBND tỉnh.	ngày); Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng đặc thù: 25 ngày làm việc.	
5.	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	- Khoản 2 Điều 41 Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009. - Khoản 1 Điều 31, Điều 32, 33 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ; Quyết định số 835/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng.	35 ngày làm việc (theo Quy định 40 ngày);	287
6.	Cấp giấy phép quy hoạch dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện quản lý	- Khoản 4 Điều 47 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Điều 33, 34, 35 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ; Khoản 5 Điều 71 Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009; Điều 36, 37, 38, 40 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ; Quyết định số 835/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng.	40 ngày làm việc (theo Quy định 45 ngày)	291
<b>III. LĨNH VỰC HẠ TẦNG KỸ THUẬT</b>				<b>296</b>
7.	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	Nghị định 64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ; Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2013 của UBND tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 834/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng.	15 ngày làm việc	296

**Phần 2**  
**NỘI DUNG CỤ THỂ**  
**CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

**I. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

1. Thủ tục Cấp/cấp lại /điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III đối với: tổ chức khảo sát xây dựng; tổ chức lập quy hoạch xây dựng; tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; tổ chức lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng; tổ chức thi công xây dựng công trình; tổ chức giám sát thi công xây dựng; tổ chức kiểm định xây dựng; tổ chức quản lý, thẩm tra chi phí đầu tư xây dựng

**a) Trình tự thực hiện**

- Bước 1: Tổ chức chuẩn bị 01 bộ hồ sơ đầy đủ (theo quy định tại thủ tục này) nộp tại Trung tâm hành chính công tỉnh hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện đến Trung tâm hành chính công tỉnh hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Đồng Nai (<https://dichvucong.dongnai.gov.vn>).

- Bước 2: Người tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ:

+ Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện đến Trung tâm hành chính công tỉnh:

Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì người tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy biên nhận; hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ; viết phiếu thu phí, lệ phí và hướng dẫn nộp phí, lệ phí. Sau đó chuyển hồ sơ đến Hội đồng xét cấp chứng chỉ năng lực để xem xét.

+ Đối với trường hợp nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Đồng Nai:

Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì người tiếp nhận hồ sơ sẽ hướng dẫn hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định đến email đã đăng ký của cá nhân.

Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì người tiếp nhận hồ sơ gửi xác nhận đến email đã đăng ký của nhà thầu và yêu cầu nộp phí, lệ phí, tổ chức có trách nhiệm nộp phí, lệ phí theo quy định. Sau khi nhận được phí và lệ phí cấp chứng chỉ thì người tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ đến Hội đồng xét cấp chứng chỉ năng lực để xem xét.

- Bước 3:

+ Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ từ Trung tâm hành chính công tỉnh, Hội đồng xét cấp chứng chỉ năng lực có trách nhiệm đánh giá năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức trình Cơ quan cấp chứng chỉ năng lực quyết định hoặc thông báo một lần bằng văn bản tới tổ chức, cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ năng lực về yêu cầu bổ sung hồ sơ hoặc tổ chức phúc tra để xác minh hồ sơ nếu cần thiết.

+ Trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày quyết định cấp chứng chỉ năng lực, Hội đồng xét cấp chứng chỉ năng lực có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị cấp Mã số chứng chỉ năng lực theo mẫu tại Phụ lục số 15 Thông tư số 17/2016/TT-BXD tới Bộ Xây dựng. Trong thời gian 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Bộ